**PHẦN I**

**THUYẾT MINH VÀ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG ĐƠN GIÁ**

**KIỂM TRA, NGHIỆM THU SẢN PHẨM ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Bộ đơn giá kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường bao gồm các đơn giá sau:

1. Đơn giá kiểm tra, nghiệm thu Cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường;
2. Đơn giá kiểm tra, nghiệm thu Phần mềm ứng dụng hỗ trợ việc quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường;
3. Đơn giá kiểm tra, nghiệm thu Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường.

Bộ đơn giá này bao gồm các khoản mục chi phí (Chi phí trong đơn giá và ngoài đơn giá) để hoàn thành các công việc theo Định mức kinh tế - kỹ thuật kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tại Thông tư số 17/2016/TT-BTNMT ngày 19 tháng 7 năm 2016.

1. **Quy trình xây dựng đơn giá**

***I.1 Căn cứ pháp lý:***

a) Văn bản hướng dẫn xây dựng đơn giá: Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường.

b) Định mức kinh tế kỹ thuật: Thông tư số 17/2016/TT-BTNMT ngày 19 tháng 7 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường.

c) Chế độ tiền lương và các khoản khác tính theo lương

*- Chế độ tiền lương:*

+ Thông tư 26/2015/TT-BLĐTBXH ngày 14/7/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm dịch vụ công ích sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

+ Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BNV ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Bộ Nội vụ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

+ Thông tư số 05/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức;

*- Mức lương cơ sở:* Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

*- Phụ cấp đặc biệt* (Chỉ áp dụng riêng cho địa bàn huyện Côn Đảo): Thông tư số 09/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp đặc biệt đối với cán bộ, công chức, viên chức, và lực lượng vũ trang;

*- Phụ cấp thu hút* (Chỉ áp dụng riêng cho địa bàn huyện Côn Đảo): Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 06/3/2015 của Ủy ban nhân nhân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu về việc ban hành chính sách ưu đãi đối với công chức, viên chức, nhân viên công tác tại địa bàn huyện Côn Đảo.

*- Phụ cấp khu vực:*

+ Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT/BNV-BLĐTBXH-BTC-UBDT ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ vụ - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội – Bộ Tài chính và Uỷ ban dân tộc về việc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực;

+ Quyết định số 32/2013/QĐ-TTg ngày 22/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách ưu đãi đối với địa bàn Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*- Các khoản tính theo lương:*

+ Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc;

+ Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp;

+ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

+ Nghị định số 44/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định mức đóng bảo hiểm bảo hiểm xã hội bắt buộc vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

+ Luật Công đoàn số 12/2012/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 20/6/2012.

d) Đơn giá vật liệu, dụng cụ được sử dụng để lập Bộ đơn giá kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường theo Thông tư số 17/2016/TT-BTNMT ngày 19/7/2016: Tính theo mặt bằng đơn giá trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Theo chứng thư thẩm định giá số 506/2018/CT-VALUCO).

e) Chi phí khấu hao máy móc, thiết bị:

- Mức tính khấu hao:

+ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

+ Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

- Giá máy móc, thiết bị: Tính theo mặt bằng đơn giá trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Theo chứng thư thẩm định giá số 506/2018/CT-VALUCO ngày 18/5/2018).

f) Chế độ Thuế: Theo quy định hiện hành tại thời điểm xây dựng dự toán đối với từng công trình, đề án, dự án. Tại thời điểm xây dựng bộ đơn giá được áp dụng theo Luật số 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12; Luật số 71/2014/QH13 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế; Nghị định số [12/2015/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=12/2015/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế; Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

**I.2. Phương pháp xây dựng đơn giá**:

**Đơn giá sản phẩm = Chi phí trực tiếp + Chi phí chung**

*I.2.1. Chi phí trực tiếp:* bao gồm các khoản mục cấu thành nên giá trị sản phẩm (chi phí nhân công, chi phí dụng cụ, chi phí vật liệu, chi phí khấu hao máy móc - thiết bị), cách tính như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chi phí trực tiếp | = | Chi phí nhân công (a) | + | Chi phí dụng cụ (b) | + | Chi phí vật liệu (c) | + | Chi phí khấu hao (d+e) |

Phương pháp xác định được quy định tại Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ Tài chính. Chi phí trực tiếp thay đổi khi có 01(một) hay các chi phí khác cấu thành thay đổi và là cơ sở để xác định chi phí chung và chi phí khác.

1. **Chi phí nhân công**: *Gồm chi phí lao động kỹ thuật tham gia trong quá trình thực hiện dự án. Chi phí này đang áp dụng tính lương cơ sở là 1.390.000 đồng/ tháng*.

Chi phí lao động kỹ thuật được tính theo công thức:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chi phí lao động kỹ thuật | = | Số công lao động kỹ thuật theo định mức | x | Đơn giá ngày công lao động kỹ thuật |

*Trong đó:*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Đơn giá ngày công lao động kỹ thuật | = | Tiền lương 1 tháng theo cấp bậc kỹ thuật quy định trong định mức | + | Các khoản phụ cấp 1 tháng theo chế độ | |
| 26 ngày | | |

- Tiền lương một tháng theo cấp bậc kỹ thuật quy định trong định mức: Hệ số lương được xác định theo Thông tư 26/2015/TT-BLĐTBXH ngày 14/7/2015 và Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BNV ngày 22/7/2014; mức lương cơ sở theo quy định hiện hành.

- Các khoản phụ cấp một tháng theo chế độ gồm:

+ Phụ cấp lương: Phụ cấp trách nhiệm: mức tính 0,2 mức lương cơ sở cho tổ trưởng (Tổ bình quân 05 người) theo Thông tư số 05/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ;

+ Phụ cấp khu vực: mức 0,1; 0,2 và 0,7 lương cơ sở áp dụng cho từng địa bàn cụ thể trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT/BNV-BLĐTBXH-BTC-UBDT ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ vụ - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội – Bộ Tài chính và Uỷ ban dân tộc về việc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực.

+ Các khoản phụ cấp lương khác (áp dụng riêng cho địa bàn huyện Côn Đảo): phụ cấp thu hút mức 50% lương cấp bậc theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 06/3/2015 của Ủy ban nhân nhân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu về việc ban hành chính sách ưu đãi đối với công chức, viên chức, nhân viên công tác tại địa bàn huyện Côn Đảo; phụ cấp đặc biệt mức 50% lương cấp bậc theo Thông tư số 09/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp đặc biệt đối với cán bộ, công chức, viên chức, và lực lượng vũ trang.

+ Các khoản đóng góp cho người lao động (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp) mức tính 21,5% và kinh phí công đoàn mức tính 2% lương cấp bậc kỹ thuật và các khoản phụ cấp theo lương với mức lương cơ sở là 1.390.000 đồng/tháng).

- Quy định thời gian lao động trực tiếp sản xuất một sản phẩm (thực hiện bước công việc); đơn vị tính là công cá nhân hoặc nhóm/ đơn vị sản phẩm; ngày công (ca) tính bằng 8 giờ làm việc; một tháng làm việc là 26 ngày.

1. **Chi phí dụng cụ:** *Là giá trị dụng cụ được phân bổ trong quá trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, cách tính cụ thể như sau:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chi phí dụng cụ | = | Số ca sử dụng dụng cụ theo định mức | x | Đơn giá sử dụng dụng cụ phân bổ cho 01 ca |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đơn giá sử dụng dụng cụ phân bổ cho 01 ca | = | Nguyên giá dụng cụ  Niên hạn sử dụng dụng cụ x 26 ca định mức (tháng) |

- Đơn giá dụng cụ: Tính theo mặt bằng đơn giá tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Theo chứng thư thẩm định giá số 506/2018/CT-VALUCO).

- Số ca và thời hạn sử dụng dụng cụ theo quy định trong Thông tư số 17/2016/TT-BTNMT ngày 19 tháng 7 năm 2016.

Chi phí này được phân bổ cho từng công việc chi tiết theo hệ số (theo quy định trong Thông tư số 17/2016/TT-BTNMT).

1. **Chi phí vật liệu:** *Là giá trị vật liệu chính, vật liệu phụ dùng trực tiếp trong quá trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường, cách tính cụ thể như sau:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chi phí vật liệu | = | ∑ (Số lượng từng loại vật liệu theo định mức | x | Đơn giá từng liệu loại vật liệu) |

Trong đó:

- Số lượng vật liệu được xác định trên cơ sở định mức sử dụng vật liệu được quy định trong Thông tư số 17/2016/TT-BTNMT.

- Đơn giá vật liệu: Tính theo mặt bằng đơn giá tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Theo chứng thư thẩm định giá số 506/2018/CT-VALUCO).

Chi phí này sẽ được phân bổ cho từng công việc chi tiết theo hệ số (theo quy định trong Thông tư số 17/2016/TT-BTNMT).

1. **Chi phí khấu hao thiết bị:** *Là hao phí về máy, thiết bị sử dụng trong quá trình kiểm tra nghiệm thu sản phẩm, được xác định trên cơ sở danh mục thiết bị, số ca sử dụng máy theo định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BTNMT, cách tính cụ thể như sau:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chi phí khấu hao | = | Số ca máy theo định mức | x | Mức khấu hao một ca máy |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mức khấu hao một ca máy | = | Nguyên giá  Số ca máy sử dụng một năm x Số năm sử dụng |

- Đơn giá thiết bị: Tính theo mặt bằng đơn giá tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Theo chứng thư thẩm định giá số 506/2018/CT-VALUCO).

- Số ca máy sử dụng một năm và thời hạn (niên hạn sử dụng thiết bị theo các Thông tư quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật của từng đơn giá.

1. **Chi phí năng lượng:** *Là chi phí sử dụng năng lượng dùng cho máy móc thiết bị vận hành trong thời gian sản xuất sản phẩm, được tính theo công thức:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chi phí năng lượng | = | Năng lượng tiêu hao theo định mức | x | Đơn giá do Nhà nước quy định |

Mức sử dụng năng lượng được quy định trong Thông tư số 17/2016/TT-BTNMT.

*I.2.2. Chi phí chung:* là chi phí có tính chất chung của đơn vị trực tiếp thực hiện như: Chi phí tiền lương và các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn) cho bộ máy quản lý; chi phí điện, nước, điện thoại, xăng xe, công tác phí, văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ cho bộ máy quản lý; chi phí sửa chữa thiết bị, công cụ, dụng cụ đối với đơn vị sự nghiệp (hoặc chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ bộ máy quản lý đối với doanh nghiệp); chi phí nghiệm thu, bàn giao sản phẩm của đơn vị trực tiếp thực hiện; chi hội nghị sơ kết, tổng kết của đơn vị. Chi phí quản lý chung được xác định theo tỷ lệ 15% tính trên chi phí trực tiếp.

Đơn giá sản phẩm có phụ cấp khu vực: là đơn giá sản phẩm được thực hiện tại các khu vực được hưởng phụ cấp khu vực theo quy định.

Đơn giá sản phẩm (có phụ cấp khu vực) = Đơn giá sản phẩm + Phụ cấp khu vực

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Phụ cấp khu vực (theo hệ số k) | = | Số lao động kỹ thuật theo định mức | x | Định mức lao động kỹ thuật | x | Đơn giá phụ cấp 1 ngày công lao động kỹ thuật (theo hệ số k) |

Mức phụ cấp khu vực từng xã trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được quy định trong đơn giá từng hạng mục công việc.

**II. Quy định áp dụng đơn giá trong quá trình xây dựng dự toán kinh phí đối với các chương trình, đề án, dự án**

**II.1. Quy định áp dụng đơn giá**

- Bộ đơn giá kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường dùng cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định dự toán chi phí công tác kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

- Bộ đơn giá kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được thành lập trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư 17/2016/TT- BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bộ đơn giá này chỉ được lập và phê duyệt lại khi định mức kinh tế - kỹ thuật được thay đổi hoặc bị thay thế; các thay đổi khác về chế độ, chính sách của nhà nước trong từng thời kỳ, từng giai đoạn thì không phải lập và phê duyệt lại mà được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng khi vận dụng bộ đơn giá.

- Bộ đơn giá kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường được lập chung cho cả doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp; là cơ sở để thương thảo, xem xét, quyết định giá khi thực hiện theo phương thức đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch cho tổ chức, cá nhân thực hiện. Bộ đơn giá này hướng dẫn việc lập dự toán kinh phí chung cho cả doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp thực hiện:

+ Đối với đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động, các doanh nghiệp tham gia thực hiện dự án: Được áp dụng đầy đủ các khoản mục chi phí: chi phí nhân công, chi phí dụng cụ, chi phí vật liệu, chi phí khấu hao thiết bị và chi phí quản lý chung.

+ Đối với các đơn vị sự nghiệp được giao biên chế, được ngân sách nhà nước cấp kinh phí hoạt động chi thường xuyên trực tiếp thực hiện dự án, nhiệm vụ thì phải trừ toàn bộ kinh phí đã bố trí cho số biên chế của đơn vị trong thời gian thực hiện dự án, nhiệm vụ; không tính chi phí khấu hao thiết bị.

- Đối với huyện Côn Đảo được hưởng phụ cấp đặc biệt bằng 50% tiền lương cấp bậc (Thông tư số 09/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ) và phụ cấp khu vực bằng 0,7 mức lương tối thiểu theo Quyết định số 32/2013/QĐ-TTg ngày 22/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ; Phụ cấp thu hút bằng 50% lương cấp bậc theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 06/3/2015 của Ủy ban nhân nhân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ban hành chính sách ưu đãi đối với công chức, viên chức, nhân viên công tác tại địa bàn huyện Côn Đảo. Vì Vậy, được lập riêng thành một bộ đơn giá để tiện áp dụng trên địa bàn huyện Côn Đảo.

- Đối với xã Long Sơn thuộc TP. Vũng Tàu và một số xã thuộc các huyện Châu Đức, Xuyên Mộc, Đất Đỏ, Tân Thành được hưởng phụ cấp khu vực các mức 0,1 và 0,2 mức lương tối thiểu theo Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV –BLĐTBXH-BTC-UBDT ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ - Bộ Lao động - Thương binh và xã hội – Bộ Tài chính và Ủy ban Dân tộc. Vì vậy khi lập dự toán các nhiệm vụ, dự án thi công trên địa bàn các khu vực này cũng phải điều chỉnh lại khoản chi phí nhân công lao động kỹ thuật cho phù hợp.

\* **GHI CHÚ**:

1. Đơn giá trên được lập với mức lương cơ sở là 1.390.000 đồng/tháng; các khoản đóng góp cho người lao động (BHXH, BHYT, BHTN mức tính 21,5% và KPCĐ mức tính 2% lương cấp bậc kỹ thuật và các khoản phụ cấp lương) và định mức 26 ngày công/tháng. Khi có thay đổi về mức lương cơ sở hoặc các khoản đóng góp cho người lao động thì điều chỉnh lại chi phí nhân công lao động kỹ thuật cho phù hợp.

2. Đối với nguyên giá thiết bị và đơn giá vật liệu, dụng cụ có biến động trên 10% thì Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính trình UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành hướng dẫn điều chỉnh đơn giá hoặc ban hành Bộ đơn giá mới.

3. Đơn giá trên chưa tính các khoản mục chi phí khác như sau: chi phí xây dựng, thẩm định, xét duyệt đề cương dự án; chi hội thảo, tổng kết nghiệm thu dự án; chi phí đi lại; thu nhập chịu thuế tính trước sẽ tính riêng trong từng thiết kế kỹ thuật - dự toán cho từng công việc cụ thể.

4. Trong bảng đơn giá tính phụ cấp khu vực tương ứng hệ số k = 0,1 cho các bước công việc. Nếu vùng thực hiện công tác kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường có mức phụ cấp khu vực k = i thì chi phí phụ cấp khu vực của vùng đó được tính theo công thức sau:

PCV = PCk1 × i ×10

Trong đó:

- PCV là chi phí cho mức phụ cấp khu vực của vùng có hệ số phụ cấp khu vực cấp k = i;

- PCk1 là chi phí cho mức phụ cấp khu vực của vùng ở điều kiện áp dụng và có hệ số phụ cấp k = 0,1;

- i là hệ số phụ cấp của vùng cần xác định.

**II.2. Hướng dẫn xây dựng dự toán**

* Dự toán kinh phí được lập trên cơ sở khối lượng công việc x đơn giá sản phẩm và các chi phí khác (nếu có).
* Chi phí khác theo hướng dẫn tại Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường.
* Căn cứ quy chế kiểm tra, nghiệm thu do cấp có thẩm quyền ban hành, đơn vị lập dự toán chi phí kiểm tra, nghiệm thu theo quy định nhưng tối đa không quá 1,5% trên chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án. Đối với nhiệm vụ, dự án về quản lý đất đai; đo đạc và bản đồ: Chi phí kiểm tra, nghiệm thu được tính trên chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án như sau: Nhóm I: Ngoại nghiệp: 3%, nội nghiệp: 2%; nhóm II: Ngoại nghiệp: 4%; nội nghiệp: 3%; nhóm III: Ngoại nghiệp: 5%; nội nghiệp: 4%.